

Bản án số: 25/2021/HSST
Ngày 01- 4- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN D, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh

Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Mè Văn Hội- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST- HS ngày 11 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST- QĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn X, sinh năm 1992; Tại thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn Đ; Và bà: Đàm Thị L; Có vợ: Triệu Thị V và 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018: **Tiền án, Tiền sự, nhân thân:** không.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cư trú tại: thôn P, xã Gi, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1987(vắng mặt);

Cư trú tại: thôn P, xã Gi, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

2. Anh Thân Văn S, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cư trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Thân Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cư trú tại: Thôn Gi, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn X, sinh năm 1992, Cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là lao động tự do. X đến thuê trọ tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để tiện cho việc đi làm. X có quan hệ quen biết với vợ chồng anh Hoàng Văn N, sinh năm 1987, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991 đều ở thôn P, xã Gi, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là công nhân của Công ty Luxshare ICT, khu công nghiệp Vân Trung 2, thuê trọ ở thôn Gi, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do quen biết nên X thỉnh thoảng đến phòng trọ của vợ chồng chị Th chơi.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/01/2021, X đi từ phòng trọ của mình đến khu trọ của vợ chồng anh N, chị Th chơi, thấy phòng trọ của vợ chồng chị Th khóa ngoài. X xuống sân thì thấy có nhiều xe mô tô, trong đó có xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave an pha màu sơn xanh- đen- bạc Biển kiểm soát 12VI- 160.88 dựng ở sân. Biết đó là xe mô tô của vợ chồng chị Th. Thấy vợ chồng chị Th không có ở phòng trọ, X nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của vợ chồng chị Th. Quan sát thấy không có người trông coi phòng trọ, X lấy 01 chiếc gậy gỗ phá khóa phòng trọ của vợ chồng chị Th vào lục soát lấy chìa khóa xe mô tô xuống mở khóa điện lấy xe mô tô mang về phòng trọ của X cất giấu. Sau khi tháo biển kiểm soát để tránh phát hiện, X đem xe trộm cắp đến cấm cho anh Thân Văn S, sinh năm 1974, ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V là chủ cửa hàng sửa chữa xe mô tô lấy 3.500.000đ dùng chi tiêu cá nhân hết.

Vợ chồng anh N, chị Th sau khi phát hiện cửa phòng bị phá khóa, xe mô tô bị mất đã làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Ngày 13/01/2021, biết hành vi của mình bị phát hiện, X đến Cơ quan điều tra Công an huyện Y đầu thú và giao nộp chiếc Biển kiểm soát 12 V1- 160.88 của xe mô tô trộm cắp. Cùng ngày, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà anh Thân Văn S ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V chiếc xe mô tô X trộm cắp của vợ chồng anh Nam, chị Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL- ĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Chiếc xe mô tô X trộm cắp của vợ chồng anh N, chị Th tại thời điểm chiếm đoạt trị giá 20. 237.000đ.

Cáo trạng số 27/CT- VKSYD ngày 09 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nông Văn X về tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn X phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nông Văn X từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 13/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 580 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo hoàn trả anh S số tiền 3.500.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ màu nâu vàng, kích thước 120 x 3 cm, đầu gậy có gắn 02 chiếc đinh bằng kim loại có chiều dài 02 cm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/01/2021, tại phòng trọ của vợ chồng chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn N ở thôn Gi, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Lợi dụng vợ chồng chị Th, anh N không có ở phòng, cửa phòng trọ khóa, X phá khóa phòng trọ vào lục soát lấy chìa khóa, ra sân mở khóa xe mô tô đi về phòng trọ của mình. X tháo biển kiểm soát để tránh bị phát hiện, sau đó mang xe trộm cắp đến cấm

cho anh Thân Văn S là chủ cửa hàng sửa chữa xe mô tô lấy 3.500.000đ, chi tiêu cá nhân hết, không có tiền chuộc xe trả chị Th. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Nông Văn X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của chị Th được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, thực hiện hành vi phạm tội vào ban ngày, tài sản trộm cắp có giá trị cao. Đặc biệt hiện nay tại khu công nghiệp xảy ra nhiều vụ trộm cắp tài sản. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, áp dụng Điều 38 của bộ luật hình sự buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] ***Tình tiết giảm nhẹ***: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, áp dụng điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] ***Tình tiết tăng nặng***: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Anh Thân Văn S có hành vi nhận nhận cầm cố chiếc xe mô tô do X trộm cắp đem đến cầm, nhưng anh S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, ngoài lời khai không có chứng cứ khác nên không có căn xử lý là đúng pháp luật.

[6] ***Về trách nhiệm dân sự***:

[6.1] Ngày 17/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả cho chị Th 01 xe mô tô BKS 12V1- 160.88, chị Th nhận lại tài sản không yêu cầu giải quyết; Chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc khóa bị phá, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Xét yêu cầu của anh Thân Văn S về việc yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền cầm xe, Hội đồng xét xử thấy: Khi nhận cầm xe, anh S không biết đó là tài sản phạm tội mà có, áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 579, 580 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S.

[7] ***Về vật chứng***: 01 gậy gỗ màu nâu vàng, kích thước 120 x 3 cm, đầu gậy có gắn 02 chiếc đinh bằng kim loại có chiều dài 02 cm là tài sản của chị H. Nay chị H không yêu cầu gì, xét thấy chiếc gậy là vật không có giá trị, căn cứ điểm khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về áp dụng điều luật áp dụng*:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 579, 580 của Bộ luật dân sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. *Về trách nhiệm hình sự*: Tuyên bố bị cáo Nông Văn X phạm tội trộm cắp tài sản.

3. *Về mức hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nông Văn X 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam tức 13 tháng 01 năm 2021.

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Nông Văn X hoàn trả anh Thân Văn S số tiền 3.500.000đ.

5. *Về vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ màu nâu vàng, kích thước 120 x 3 cm, đầu gậy có gắn 02 chiếc đinh bằng kim loại có chiều dài 02 cm.

6. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Y(2b);
- CCTHADS huyện Y(3b);
- Lưu HS.VP;
- Công an Y;
- Bị cáo;
- UBND xã H.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hương

